TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2023/QĐST-HNGĐ	*Hà Nam, ngày 20 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2023/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 06/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Thế A, sinh năm 1986; địa chỉ: Đường N, tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Thôn 6, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Chị Vũ Thị L, sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT: Tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nơi cư trú hiện nay: 5-14-1 M, Moriya-shi, I 102, Tòa nhà G, Nhật Bản; có đơn xin vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị L để giao nhận tài liệu, văn bản tố tụng: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Ngõ 77, đường C, Tổ 8, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, bản tự khai của anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L, nội dung yêu cầu giải quyết việc dân sự được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc,

sau đó phát sinh mâu thuẫn. Năm 2015, anh chị mâu thuẫn căng thẳng, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, chị L về nhà bố mẹ đẻ ở Hải Dương sinh sống, năm 2016, chị L sang Nhật Bản làm ăn. Vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm ngày càng bị rạn nứt. Nay anh chị đều xác định vợ chồng đã ly thân 7 năm, tình cảm không còn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được và cùng yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Vũ Gia H, sinh ngày 06/12/2013. Anh, chị thỏa thuận sau khi ly hôn, anh Thế A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H; chị L cấp dưỡng nuôi cháu H 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập.

Về tài sản chung: Anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L thỏa thuận chị Vũ Thị L là người nộp toàn bộ lệ phí, anh Thế A không phải nộp.

Tại phiên họp: Người yêu cầu là anh Lê Thế A đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con cho anh và chị Vũ Thị L.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị L để giao nhận tài liệu, văn bản tố tụng xác định: Chị đã thông báo cho chị L các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng hiện nay chị L đã quay lại Nhật Bản nên chị L xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong đơn yêu cầu, chị L đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của chị và anh Thế A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 2 Điều 38; Điều 369, Điều 370 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L; về con chung: Giao cháu Lê Vũ Gia H, sinh ngày 06/12/2013 cho anh Lê Thế A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị L cấp dưỡng nuôi cháu H 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được; về phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị để chị L nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm, anh Thế A không phải nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con; chị Vũ Thị L hiện đang cư trú tại Nhật Bản. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý giải quyết việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b, khoản 1 Điều 37; Điều 361; Điều 362 và Điều 365 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L tự nguyện đặng ký kết hôn ngày 26 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Anh chị chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung. Năm 2016 chị L sang Nhật Bản làm ăn thì tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Anh chị xác định, vợ chồng đã sống ly thân 7 năm, tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị. Xét thấy, tình cảm giữa anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L cùng xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Vũ Gia H, sinh ngày 06/12/2013. Anh, chị thỏa thuận sau khi ly hôn, anh Thế A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H; chị L cấp dưỡng nuôi cháu H 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập. Cháu Lê Vũ Gia H có nguyện vọng được ở với bố. Xét thấy, việc thỏa thuận về con chung của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu H và quy định của pháp luật. Do đó, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho anh Thế A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về công nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Anh chị không có và cũng không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L mỗi người phải nộp 150.000 đồng. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị là chị L nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm, anh Thế A không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 37, khoản 2 Điều 149, Điều 361, Điều 362, Điều 365, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Vũ Gia H, sinh ngày 06/12/2013 cho anh Lê Thế A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh Lê Thế A và chị Vũ Thị L, chị L phải nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001550, ngày 28/3/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, chị L đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã T, huyện K;
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương